

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

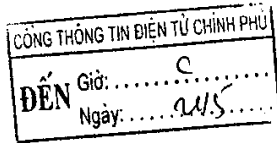
Số: 42/2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Lạt, ngày 18 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý nhiệm vụ
khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 23 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 32/2007/QĐ-UB ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH đơn vị tỉnh LD;
- Như điều 3;
- Đài PT-TH và Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt

QUY ĐỊNH

Về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Lâm Đồng có sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm: nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (sau đây gọi chung là nhiệm vụ).

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp tại địa phương.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân không sử dụng ngân sách nhà nước vận dụng quy định này để tổ chức và quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ do tổ chức mình triển khai.

Điều 2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, bao gồm:

- a) Chương trình khoa học và công nghệ;
- b) Đề án khoa học;
- c) Đề tài khoa học và công nghệ;
- d) Dự án sản xuất thử nghiệm;
- đ) Dự án khoa học và công nghệ;
- e) Đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tiềm năng.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phải thực hiện theo hình thức đặt hàng.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ của cơ sở do Thủ trưởng đơn vị phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở bao gồm: đề tài khoa học và công nghệ; dự án khoa học và công nghệ.

Điều 3. Tiêu chí xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- a) Có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi tỉnh;
- b) Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ trong phạm vi tỉnh;
- c) Có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh;
- d) Không trùng lặp với các chương trình, dự án của tỉnh và hợp tác quốc tế.

Điều 4. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

1. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp tỉnh bao gồm:

- a) Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ
- b) Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- c) Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- d) Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở khoa học và công nghệ quyết định thành lập các hội đồng:

- a) Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- b) Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- c) Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Nguyên tắc làm việc và trách nhiệm của hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 33 và Điều 35 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 5. Ứng dụng, triển khai kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ

1. Cơ quan đề xuất đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hàng năm gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc yêu cầu và hướng dẫn của bên đặt hàng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Chương II **QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ** **KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

Điều 6. Quy trình quản lý

1. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ (quy định cụ thể tại Chương 3 Quy định này);
2. Tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ (quy định cụ thể tại Chương 4 Quy định này);
3. Đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ
4. Ký hợp đồng thực hiện;
5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện;
6. Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ (quy định cụ thể tại Chương 5 Quy định này);
7. Công nhận và chuyển giao kết quả;
8. Thanh lý hợp đồng;
9. Xử lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đạt yêu cầu.

Điều 7. Ký hợp đồng nghiên cứu khoa học

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ.
2. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tuân theo quy định nêu tại Điều 27 của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2014/TT-BKH-CN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”

Điều 8. Báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, kiểm tra, giám sát việc thực hiện

1. Định kỳ 06 tháng một lần, hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ xây dựng báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo nội dung yêu cầu gửi Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì không thực hiện việc báo cáo tiến độ đúng quy định từ 02 lần trở lên thì sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và xử lý theo quy định.

2. Báo cáo tiến độ thực hiện theo mẫu hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hợp đồng đã ký.

Việc kiểm tra được tiến hành tại cơ quan quản lý hoặc ngoài thực địa tùy theo tính chất và yêu cầu của từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Kết quả kiểm tra được kết luận cụ thể và được lập thành biên bản lưu hồ sơ quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 9. Quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc quản lý kinh phí thực hiện theo hướng dẫn về quản lý tài chính các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hiện hành.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh về tổ chức chủ trì, tên, mục tiêu, sản phẩm, tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ và của tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ điều chỉnh các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức, cá nhân chủ trì, trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này.

Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của cơ quan đề xuất đặt hàng và Hội đồng trước khi quyết định hoặc tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh.

3. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ được thực hiện 01 lần không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng và không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên. Trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 11. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ

Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước được khuyến khích đăng ký, lưu giữ tại cơ quan có thẩm quyền tại địa phương sau khi có văn bản thẩm định kết quả của cơ quan nhà nước quản lý về khoa học và công nghệ.

Chương III

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 12. Căn cứ xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Các chủ trương, định hướng của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
3. Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, sở, ngành và địa phương.
4. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 05 năm hoặc 10 năm của tỉnh.
5. Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết, khẩn cấp của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

Điều 13. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Có đủ căn cứ về tính cấp thiết và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực hoặc địa phương.
2. Đáp ứng các tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 3 của quy định này.
3. Có địa chỉ ứng dụng cụ thể và được lãnh đạo Sở, ngành và địa phương cam kết sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành. Tổ chức, cơ quan ứng dụng kết quả dự kiến có đủ uy tín và năng lực để tiếp nhận và triển khai một cách hiệu quả sản phẩm tạo ra.
4. Có yêu cầu thời gian (tính từ thời điểm đặt hàng đến thời điểm có kết quả) phù hợp để đảm bảo tính khả thi cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 14. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Phụ lục 1 Quy định này.

Điều 15. Nội dung nhiệm vụ đề xuất đặt hàng

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng được thể hiện qua tên gọi và 02 mục: *Định hướng mục tiêu* và *Yêu cầu đối với kết quả*, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 14 Quy định này.
2. Mục *Yêu cầu đối với kết quả* cần bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng hoặc chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:

a) Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: nêu được các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm tạo ra; phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm;

b) Đối với đề tài khác: nêu được yêu cầu về tính mới, mức độ tiên tiến của sản phẩm và các yêu cầu khác;

c) Đối với dự án: nêu được các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm;

d) Đối với đề án khoa học: nêu được các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác;

đ) Đối với dự án khoa học và công nghệ: các sản phẩm khoa học công nghệ cùng với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng đảm bảo sự gắn kết và tính đồng bộ theo quy trình sản xuất hoặc chuỗi thời gian;

e) Đối với chương trình khoa học và công nghệ: nêu được các loại sản phẩm dự kiến; số lượng và các chỉ tiêu định lượng hoặc định tính tương ứng, đảm bảo sự quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với nhau và thống nhất với mục tiêu đề ra.

Điều 16. Xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Định kỳ hoặc theo tính cấp thiết, các sở, ngành và địa phương xem xét lựa chọn các vấn đề khoa học và công nghệ để xây dựng *đề xuất đặt hàng* đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 13 Quy định này. Sở, ngành và địa phương tự xây dựng đề xuất đặt hàng hoặc có thể mời chuyên gia, nhóm chuyên gia, tổ chức, cơ quan dự kiến hướng thụ kết quả nghiên cứu tham gia xây dựng *đề xuất đặt hàng*.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các đơn vị, tổ chức, cá nhân và những vấn đề khoa học và công nghệ được tổng hợp theo Khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 12 Quy định này gửi các Sở, ngành, địa phương xem xét xây dựng *đề xuất đặt hàng*.

3. Đề xuất đặt hàng được xây dựng theo các mẫu quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 17. Hoàn thiện đề xuất đặt hàng

1. Các sở, ngành và địa phương tổ chức lấy ý kiến tư vấn thông qua hội đồng tư vấn hoặc chuyên gia độc lập đối với *đề xuất đặt hàng* trước khi gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Trên cơ sở ý kiến tư vấn, sở, ngành và địa phương hoàn thiện *đề xuất đặt hàng*. Lãnh đạo sở, ngành và địa phương ký duyệt và gửi *đề xuất đặt hàng* cho Sở Khoa học và Công nghệ.

3. *Đề xuất đặt hàng* gửi Sở Khoa học và Công nghệ bao gồm:

a) Phiếu đề xuất đặt hàng theo các mẫu quy định;

b) Biên bản làm việc của hội đồng tư vấn hoặc ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập đối với *đề xuất đặt hàng* là phụ lục của *đề xuất đặt hàng*.

Điều 18. Tổng hợp đề xuất đặt hàng

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp *đề xuất đặt hàng* và xem xét, đánh giá sơ bộ về tính đầy đủ và cấp thiết của đề xuất đặt hàng.

2. *Đề xuất đặt hàng* được đánh giá "đạt yêu cầu" khi đáp ứng 02 yêu cầu sau:

a) Đầy đủ thông tin trong Phiếu đề xuất đặt hàng và phụ lục kèm theo;

b) Có đủ cơ sở về tính cấp thiết của nhiệm vụ đề xuất.

3. *Đề xuất đặt hàng* được đánh giá "đạt yêu cầu", Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh xem xét.

4. Thời gian xem xét đề xuất đặt hàng thực hiện hàng quý.

Điều 19. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thành lập hội đồng

Theo tiền đề đề xuất đặt hàng, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hội đồng tư vấn để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với lĩnh vực của *đề xuất đặt hàng*. Hội đồng có thể tư vấn cho một hoặc một số *đề xuất đặt hàng* trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.

2. Thành phần hội đồng

Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ từ 09 đến 11 thành viên có chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên. Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng và thành viên của hội đồng tư vấn là các chuyên gia khoa học và công nghệ hoặc cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn, thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu.

a) Hội đồng tư vấn xác định đề tài, dự án, dự án khoa học và công nghệ có 09 thành viên. Cơ cấu hội đồng gồm: 06 thành viên là các chuyên gia khoa học và công nghệ; 03 thành viên thuộc cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan hoặc đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu;

b) Hội đồng tư vấn xác định đề án khoa học có 09 thành viên. Cơ cấu hội đồng gồm: 03 thành viên là các chuyên gia khoa học và công nghệ; 06 thành viên thuộc cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức khác có liên quan;

c) Hội đồng tư vấn xác định chương trình khoa học và công nghệ có 11 thành viên. Cơ cấu hội đồng gồm: 06 thành viên là các chuyên gia khoa học và công nghệ; 05 thành viên thuộc cơ quan quản lý nhà nước (trong đó có 01 thành viên từ sở, ngành và địa phương có đề xuất đặt hàng), tổ chức sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan;

d) Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của đề xuất đặt hàng, Ủy ban nhân dân tỉnh có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với quy định trên.

3. Trình tự và nội dung làm việc của hội đồng

a) Ủy viên thư ký công bố quyết định thành lập hội đồng và tóm tắt các yêu cầu đối với hội đồng;

b) Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp của hội đồng. Trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt, Chủ tịch hội đồng ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp;

c) Các thành viên hội đồng thảo luận theo các nội dung quy định tại Khoản 5 Điều này;

d) Các thành viên hội đồng đánh giá đề xuất đặt hàng và bỏ *Phiếu đánh giá* đề xuất đặt hàng theo mẫu quy định;

Đề xuất đặt hàng được đề nghị "thực hiện" khi tất cả các nội dung trong *Phiếu đánh giá* được đánh giá "đạt yêu cầu" và đề nghị "không thực hiện" khi một trong các nội dung trên được đánh giá "không đạt yêu cầu".

đ) Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên hội đồng và công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của hội đồng;

e) Đối với *đề xuất đặt hàng* được đề nghị "thực hiện", hội đồng có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các mục của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng và kiến nghị về phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp);

Trường hợp có 02 hoặc nhiều *đề xuất đặt hàng*, hội đồng biểu quyết việc xếp thứ tự ưu tiên cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng.

g) Đối với *đề xuất đặt hàng* được đề nghị "không thực hiện" hội đồng thống nhất ý kiến đánh giá về lý do không đề nghị thực hiện;

h) Ủy viên thư ký lập biên bản làm việc của hội đồng theo mẫu quy định.

5. Nội dung thảo luận của hội đồng

Hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá *đề xuất đặt hàng* về các nội dung quy định tại Phụ lục II Quy định này.

Điều 20. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ rà soát trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng, xem xét các ý kiến tư vấn của hội đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu nêu tại Điều 14 Quy định này. Trường hợp cần thiết Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến tư vấn của 01 đến 02 chuyên gia tư vấn, hoặc thành lập hội đồng khác để xác định lại nhiệm vụ khoa học và công nghệ và lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.

2. Trên cơ sở kết quả của việc rà soát và ý kiến tư vấn quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục đặt hàng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho các sở ngành địa phương có *đề xuất đặt hàng* trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng.

Chương IV TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 21. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Các tổ chức khoa học và công nghệ có đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp chủ trì thực hiện, trừ một trong các trường hợp sau đây:

a) Đến thời điểm nộp hồ sơ chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các dự án trước đây;

b) Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu trên 30 ngày mà không có ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ sẽ không được tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng;

c) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ hoặc sau khi kết thúc mà không triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống, không được đăng ký tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian ba (03) năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền;

d) Không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, nộp lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; không báo cáo ứng dụng kết quả của nhiệm vụ theo quy định sẽ không được đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian hai (02) năm.

2. Đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

a) Có trình độ đại học trở lên;

b) Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và đang hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học với nhiệm vụ trong năm (05) năm gần đây, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Là người chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh chậm theo quy định hiện hành từ 30 ngày đến 06 tháng mà không có ý kiến chấp thuận của Sở khoa học và Công nghệ sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian hai (02) năm;

c) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” mà không được Sở Khoa học và Công nghệ gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả hoặc được gia hạn nhưng hết thời hạn cho phép vẫn chưa hoàn thành kết quả sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn ba (03) năm kể từ thời điểm có kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh;

d) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 22. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp (gọi tắt là hồ sơ) gồm những văn bản theo mẫu quy định sau đây:

1. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì;

2. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

3. Thuyết minh đề cương nghiên cứu theo mẫu quy định;

4. Lý lịch khoa học của chủ nhiệm và các thành viên;

5. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì;

6. Quyết định cử chủ nhiệm đề tài, dự án của cơ quan chủ trì;

7. Biên bản thông qua thuyết minh đề cương của hội đồng khoa học và công nghệ cơ sở (áp dụng đối với nhiệm vụ giao trực tiếp);

8. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp nghiên cứu (nếu có);

9. Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (nếu có).

Điều 23. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tuyển chọn

1. Thông báo tuyển chọn

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tuyển chọn trên phương tiện thông tin đại chúng bao gồm: tên, mục tiêu, yêu cầu sản phẩm phải đạt và thời gian thực hiện của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; điều kiện và thủ tục tham gia tuyển chọn.

Thời hạn nhận hồ sơ tham gia tuyển chọn trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo.

2. Đăng ký tuyển chọn

a) Hồ sơ đăng ký tuyển chọn

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện theo Điều 22 Quy định này.

Tổ chức và cá nhân tham gia tuyển chọn gửi 01 bộ hồ sơ (gồm: 02 bản gốc và 13 bản sao) đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng. Hồ sơ phải được niêm phong và gửi đến đúng thời gian quy định. Bên ngoài bộ hồ sơ phải ghi rõ:

- Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký tuyển chọn;
- Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Họ tên của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm;
- Liệt kê danh mục tài liệu, văn bản có trong hồ sơ;

b) Nộp hồ sơ tham gia tuyển chọn

Thời điểm nộp hồ sơ được xác định là ngày ghi ở dấu của Bưu điện nơi gửi (trường hợp gửi qua Bưu điện) hoặc dấu "đến" của văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (trường hợp gửi trực tiếp);

Khi chưa hết hạn nộp hồ sơ, tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn có quyền rút hồ sơ để thay thế hồ sơ mới hoặc bổ sung, sửa đổi hồ sơ tham gia tuyển chọn.

3. Mở hồ sơ

Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, trong thời gian 10 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng chủ trì việc tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ với sự chứng kiến của đại diện một số cơ quan quản lý có liên quan và đại diện một số tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn (do Sở Khoa học và Công nghệ mời).

Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản, có chữ ký của đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, chữ ký của đại diện cơ quan quản lý và đại diện các đơn vị tham gia.

Những hồ sơ thỏa mãn các điều kiện quy định tại các Khoản 2 điều này sẽ được đưa vào xem xét đánh giá.

Điều 24. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ giao trực tiếp

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ giao trực tiếp được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 31 của Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ và quy định của Bộ khoa học và công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo cho tổ chức được chỉ định chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ xây dựng thuyết minh đề cương nghiên cứu. Tổ chức chủ trì thực hiện có trách nhiệm xây dựng thuyết minh đề cương nghiên cứu trong vòng 30 ngày kể từ ngày được thông báo.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức hội đồng tư vấn giao trực tiếp xét duyệt đề cương nghiên cứu do tổ chức chủ trì xây dựng.

4. Đối với thuyết minh đề cương đạt yêu cầu, tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn chỉnh thuyết minh đề cương trong vòng 15 ngày kể từ ngày xét duyệt và nộp cho Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp thuyết minh đề cương không đạt yêu cầu, hội đồng tư vấn xét duyệt đề cương có trách nhiệm đề xuất hình thức xử lý.

Trường hợp tổ chức và cá nhân chủ trì không hoàn chỉnh thuyết minh đề cương theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 25. Thẩm định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thẩm định về nội dung và kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ thẩm định do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Thành phần tham gia tổ thẩm định là các nhà quản lý, các chuyên gia có chuyên môn liên quan.

Kinh phí thẩm định được trích từ kinh phí quản lý khoa học được phê duyệt hàng năm và đúng với các quy định hiện hành.

1. Thẩm định nội dung

Tổ thẩm định có trách nhiệm xem xét tính hợp lý về nội dung thuyết minh đề cương, các văn bản của hồ sơ tham gia tuyển chọn. Kết quả thẩm định được lập thành biên bản.

Việc thẩm định được tiến hành trước khi họp hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Thẩm định kinh phí

Thẩm định kinh phí được tiến hành sau khi tổ chức và cá nhân chủ trì hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ theo góp ý của hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp.

Tổ thẩm định có trách nhiệm xem xét tính hợp lý của dự toán kinh phí các nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các quy định hiện hành

Điều 26. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có 09 thành viên gồm chủ tịch, phó chủ tịch, hai (02) ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên, trong đó:

a) Sáu (06) thành viên là các chuyên gia có chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Ba (03) thành viên là đại diện của cơ quan đặt hàng, cơ quan đề xuất đặt hàng, nhà quản lý hoặc nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ tư vấn.

2. Trường hợp đặc biệt, cơ quan quản lý có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với qui định tại các Khoản 1 Điều này.

3. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:

a) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Các chuyên gia, các ủy viên phản biện đã tham gia hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ưu tiên mời tham gia hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương ứng.

Điều 27. Trình tự, nội dung làm việc của hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập hội đồng, biên bản mở hồ sơ, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Ủy viên thư ký nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp của hội đồng. Trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt, Chủ tịch hội đồng ủy quyền bằng văn bản cho phó Chủ tịch chủ trì phiên họp.

4. Cá nhân được tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cử làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình bày tóm tắt trước hội đồng về đề cương nghiên cứu, đề xuất phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần, trả lời các câu hỏi của thành viên hội đồng (nếu có) và không tiếp tục tham dự phiên họp của hội đồng.

5. Hội đồng tiến hành đánh giá, chấm điểm các hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp theo các tiêu chí, thang điểm quy định tại Phụ lục III Quy định này:

a) Các ủy viên phản biện, ủy viên hội đồng trình bày nhận xét đánh giá từng hồ sơ và so sánh giữa các hồ sơ đăng ký theo các tiêu chí quy định;

b) Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng xem xét, tham khảo;

c) Hội đồng thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo các tiêu chí đánh giá quy định. Trong quá trình thảo luận hội đồng có thể nêu câu hỏi đối với các ủy viên phản biện, ủy viên hội đồng về ý kiến nhận xét;

d) Hội đồng cho điểm độc lập từng hồ sơ theo các tiêu chí, thang điểm quy định và bỏ phiếu đánh giá chấm điểm cho từng hồ sơ theo phương thức bỏ phiếu kín.

6. Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng theo mẫu quy định.

7. Hội đồng công bố công khai kết quả chấm điểm đánh giá và thông qua biên bản làm việc của hội đồng, kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Tổ chức, cá nhân được hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm);

b) Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì điểm cao hơn của chủ tịch hội đồng (hoặc điểm cao hơn của phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng.

8. Hội đồng thảo luận đề thống nhất kiến nghị

a) Những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các sản phẩm khoa học và công nghệ chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt;

b) Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện;

c) Phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần;

d) Lưu ý những điểm cần chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ của tổ chức và cá nhân được hội đồng đề nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp.

9. Ủy viên thư ký lập biên bản làm việc của hội đồng theo mẫu quy định.

Điều 28. Phê duyệt kết quả

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả tuyển chọn. Sau khi có quyết định công nhận kết quả tuyển chọn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo kết quả tuyển chọn trên các phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời gửi thông báo cho các tổ chức, cá nhân trúng tuyển kèm theo các nội dung yêu cầu để hoàn thiện hồ sơ.

2. Trong vòng 15 ngày, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ và nộp cho Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức thẩm định và phê duyệt thuyết minh đề cương.

3. Sau 15 ngày, nếu tổ chức, cá nhân trúng tuyển không hoàn chỉnh đề cương nghiên cứu theo quy định thì tổ chức, cá nhân có hồ sơ đạt tổng số điểm trung bình cao nhất tiếp theo, nhưng vẫn phải đảm bảo đủ số điểm theo quy định sẽ được chọn thay thế.

Chương V

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 29. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 33 Quy định này trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Kết quả tự đánh giá được tổng hợp và báo cáo theo mẫu quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 30. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Thời hạn nộp hồ sơ

Việc nộp hồ sơ thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng (nếu có).

2. Thành phần hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh

a) Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh của tổ chức chủ trì;

b) Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ;

c) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ (15 bản);

d) Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của đề tài, dự án;

đ) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của đề tài, dự án;

e) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có);

g) Các tài liệu khác (nếu có).

Điều 31. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh có 09 thành viên bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên khác, trong đó:

a) 06 thành viên là chuyên gia khoa học và công nghệ, 03 thành viên là chuyên gia đại diện cho tổ chức có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, cơ quan đề xuất đặt hàng, trong đó có ít nhất 01 thành viên đã tham gia hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ;

b) Thành viên là chuyên gia khoa học và công nghệ quy định tại điểm a Khoản này làm việc tại tổ chức chủ trì có thể tham gia hội đồng nhưng không được làm chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học.

2. Những trường hợp không được tham gia hội đồng

a) Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

b) Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác;

d) Người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

3. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nhiệm vụ, cơ quan quản lý có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với qui định tại các Khoản 1 Điều này.

4. Thành phần tham dự các phiên họp của hội đồng

Chủ nhiệm nhiệm vụ, đại diện tổ chức chủ trì, đại diện cơ quan chủ quản, đại diện các đơn vị có liên quan do Sở Khoa học và Công nghệ mời trong trường hợp cần thiết.

Điều 32. Phiên họp của hội đồng đánh giá, nghiệm thu

1. Tài liệu đánh giá, nghiệm thu được gửi đến các thành viên hội đồng trước phiên họp ít nhất 07 ngày làm việc. Phiên họp hội đồng được tổ chức trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập hội đồng.

2. Trình tự làm việc của hội đồng

a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

b) Ủy viên thư ký nêu những nội dung, yêu cầu chủ yếu đối với việc đánh giá, nghiệm thu;

c) Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp của hội đồng. Trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt, Chủ tịch hội đồng ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp;

d) Chủ tịch hội đồng thống nhất và thông qua nội dung làm việc của hội đồng;

đ) Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ và báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ;

e) Các thành viên hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm nhiệm vụ về kết quả và các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ. Chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân có liên quan trả lời các câu hỏi của hội đồng (nếu có) và không tiếp tục tham dự phiên họp của hội đồng;

g) Các ủy viên phản biện đọc nhận xét đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ; Ủy viên thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có); các thành viên hội đồng nêu ý kiến trao đổi về kết quả nhiệm vụ;

h) Các thành viên hội đồng đánh giá xếp loại nhiệm vụ theo mẫu quy định; hội đồng tiến hành bỏ phiếu đánh giá kết quả nhiệm vụ;

i) Chủ tịch hội đồng kết luận đánh giá của hội đồng. Trường hợp hội đồng đánh giá xếp loại “Không đạt” cần xác định rõ những nội dung đã thực hiện theo hợp đồng để cơ quan quản lý xem xét xử lý theo quy định hiện hành. Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản;

k) Đại diện các cơ quan phát biểu ý kiến (nếu có);

l) Ủy viên thư ký lập biên bản làm việc của hội đồng theo mẫu quy định.

3. Ý kiến kết luận của Hội đồng được Sở Khoa học và Công nghệ gửi cho Tổ chức chủ trì trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Điều 33. Nội dung, yêu cầu đối với sản phẩm và phương pháp đánh giá nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Nội dung đánh giá

a) Về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực, hệ thống và khoa học của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn);

b) Về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

2. Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ;

b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và khoa học, phản ánh trung thực kết quả thực hiện nhiệm vụ;

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

3. Yêu cầu đối với sản phẩm

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

a) Đối với sản phẩm là: mẫu; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ;

b) Đối với sản phẩm là: nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, qui hoạch; luận chứng kinh tế-kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do tổ chức chủ trì nhiệm vụ thành lập;

c) Đối với sản phẩm là: kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế, cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp; bài báo khoa học cần đăng trên tạp chí có chỉ số ISSN (Mã số tiêu chuẩn quốc tế).

4. Phương pháp đánh giá

a) Đánh giá của thành viên hội đồng

- Mỗi chủng loại sản phẩm của nhiệm vụ đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi vượt mức so với đặt hàng; “Đạt” khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; “Không đạt” không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng;

- Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều này; “Đạt” khi báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên;

- Đánh giá chung nhiệm vụ theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi tất cả tiêu chí về sản phẩm đều đạt mức “Xuất sắc” và Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Đạt” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên; ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng), Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

b) Đánh giá, xếp loại của hội đồng

- Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 số thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”;

- Mức “Không đạt” nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức không đạt;

- Mức “Đạt” khi nhiệm vụ không thuộc hai trường hợp trên.

Điều 34. Công nhận và chuyển giao kết quả

1. Đối với nhiệm vụ được hội đồng nghiệm thu đánh giá ở mức “Đạt” trở lên, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của hội đồng.

2. Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của nhiệm vụ và xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm nhiệm vụ. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận và chuyển giao kết quả nghiệm thu trên cơ sở kết quả đánh giá của hội đồng.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét ban hành quyết định công nhận và chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chuyển giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan đề xuất đặt hàng và các tổ chức liên quan triển khai ứng dụng.

Điều 35. Thanh lý hợp đồng

Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc quyết toán kinh phí, giao nộp đầy đủ các sản phẩm theo hợp đồng ký kết, đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Đảm bảo các điều kiện trên, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm cùng tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ lập biên bản thanh lý hợp đồng.

Trong trường hợp cơ quan chủ trì không đảm bảo các điều kiện nêu trên, sẽ bị xử lý theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 36. Xử lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đạt yêu cầu

1. Trường hợp nhiệm vụ bị đình chỉ thực hiện khi kiểm tra định kỳ thì tổ chức chủ trì có trách nhiệm xác định những nội dung thực tế thực hiện và có văn bản đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét quyết toán một phần kinh phí.

2. Trường hợp nhiệm vụ xếp loại ở mức “Không đạt”, Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Ngoài các trường hợp trên, nếu phát hiện có hành vi gian lận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI **QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NHIỆM VỤ** **KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

Điều 37. Trách nhiệm và quyền hạn của thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở

1. Quyết định thành lập các hội đồng khoa học cấp cơ sở gồm: hội đồng xác định nhiệm vụ, hội đồng tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các hội đồng khoa học và công nghệ khác để tư vấn khi cần thiết.

2. Phê duyệt danh mục các đề tài, dự án đã được hội đồng khoa học và công nghệ cấp cơ sở thông qua; Ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ; Tổ chức nghiệm thu, công nhận, công bố và đăng ký kết quả triển khai ứng dụng kết quả của đề tài, dự án khoa học và công nghệ.

3. Ban hành các văn bản, các quyết định cho phép chủ nhiệm đề tài, dự án thay đổi nội dung nghiên cứu cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn hoặc ra quyết định ngừng thực hiện hợp đồng trên cơ sở tham mưu, đề xuất của bộ phận quản lý (nếu có).

4. Thủ trưởng các ngành, địa phương có quyền thành lập bộ phận quản lý khoa học và công nghệ để tham mưu, quản lý việc tổ chức thực hiện đề tài, dự án theo nội dung đã được phê duyệt và tuân theo các quy trình hướng dẫn nêu tại quy định này.

Điều 38. Hội đồng khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Hội đồng khoa học và công nghệ cấp cơ sở do thủ trưởng đơn vị ra quyết định thành lập. Hội đồng gồm có Chủ tịch và các thành viên.

2. Thành viên hội đồng khoa học và công nghệ cấp cơ sở là các cán bộ khoa học, cán bộ quản lý có trình độ đại học trở lên hoặc các chuyên gia có am hiểu nhất định về lĩnh vực khoa học và công nghệ liên quan. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, các thành viên hội đồng được quyền thảo luận công khai về nhiệm vụ được giao tư vấn, có ý kiến nhận xét bằng văn bản và chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình.

3. Chi phí cho hoạt động của hội đồng khoa học và công nghệ cấp cơ sở được dự toán thành một Khoản riêng trong tổng kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị.

Điều 39. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Tổ chức chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải là cơ quan có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc tổ chức, đơn vị có đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; có đủ các điều kiện về nhân lực chuyên môn, thiết bị và cơ sở vật chất cần thiết cho việc triển khai thực hiện đề tài, dự án.

2. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm phải có kinh nghiệm trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án.

3. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung nghiên cứu và tiến độ thực hiện đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí đúng quy định của Nhà nước; báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn kết quả thực hiện nội dung nghiên cứu và việc sử dụng kinh phí.

Điều 40. Trình tự xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Định kỳ hoặc theo tính cấp thiết của ngành, địa phương, đơn vị; bộ phận quản lý khoa học cấp cơ sở có trách nhiệm tham mưu thủ trưởng đơn vị thông báo đến các tổ chức, cá nhân có liên quan để đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng; theo mẫu Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Bộ phận quản lý khoa học công nghệ tổng hợp các danh mục đề xuất và tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các cán bộ khoa học và cán bộ quản lý trực thuộc đơn vị mình về danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp thiết để lựa chọn các nhiệm vụ phù hợp với điều kiện của cơ sở.

Với các đơn vị nhỏ, có chuyên ngành hẹp có thể bỏ qua bước này.

3. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng được đánh giá “đạt yêu cầu” sơ bộ khi đáp ứng 02 yêu cầu sau:

a) Đầy đủ thông tin trong Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Có đủ cơ sở về tính cấp thiết của nhiệm vụ đề xuất.

4. Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề nghị thực hiện trong kế hoạch trình hội đồng xác định nhiệm vụ cấp cơ sở xem xét, lựa chọn bằng cách bỏ phiếu kín theo hai loại “đề nghị thực hiện” và “đề nghị không thực hiện” và đồng thời đề nghị hình thức chủ trì thực hiện: chỉ định hoặc tuyển chọn.

Các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở được đề nghị thực hiện phải có ít nhất 2/3 thành viên hội đồng có mặt đồng ý.

5. Bộ phận quản lý khoa học tổng hợp danh mục các nhiệm vụ nghiên cứu cấp cơ sở được hội đồng khoa học thông qua trình thủ trưởng đơn vị phê duyệt thực hiện.

Điều 41. Xét duyệt đề cương nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở tương tự như nhiệm vụ cấp tỉnh.

2. Việc xét duyệt đề cương nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện cho các nhiệm vụ chỉ định hoặc nhiệm vụ đã tuyển chọn được đơn vị, cá nhân chủ trì trước khi thủ trưởng đơn vị cơ sở ký hợp đồng khoa học công nghệ. Việc xét duyệt do hội đồng xét duyệt đề cương thực hiện.

3. Quy trình làm việc của hội đồng xét duyệt đề cương gồm các bước sau:

a) Thư ký hội đồng đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự;

b) Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp;

c) Chủ nhiệm đề tài, dự án khoa học và công nghệ trình bày đề cương nghiên cứu;

d) Hội đồng tiến hành thảo luận, bổ sung hoặc sửa đổi những chi tiết liên quan đến mục tiêu cần đạt, nội dung nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả dự kiến, tổng mức kinh phí dự kiến...;

đ) Hội đồng dùng phiếu chấm điểm để đánh giá đề cương chi tiết cho từng đề tài, dự án;

e) Chủ tịch hội đồng kết luận ý kiến đánh giá của hội đồng.

Ý kiến thảo luận của các thành viên hội đồng, kết quả bỏ phiếu đánh giá và kết luận của Chủ tịch hội đồng được lập thành biên bản lưu hồ sơ quản lý của bộ phận quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Mẫu phiếu chấm điểm theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 42. Quy trình quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Ký kết hợp đồng

a) Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với tổ chức hoặc cá nhân chủ trì đề tài, dự án khoa học và công nghệ theo mẫu hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, thoả thuận, bình đẳng, đúng pháp luật. Hợp đồng là cơ sở pháp lý chi phối quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan và là thành phần của hồ sơ quản lý đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ được triển khai.

2. Kiểm tra tiến độ thực hiện

Tổ chức chủ trì có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện định kỳ hoặc đột suất theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền. Việc kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này

3. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo Khoản 3 Điều 10 Quy định này.

4. Đánh giá, nghiệm thu

Trước thời hạn thực hiện theo hợp đồng khoa học và công nghệ, chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm hoàn chỉnh báo cáo kết quả nghiên cứu để tổ

chức nghiệm thu. Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu thông qua 2 bước:

a) Nghiệm thu nội bộ:

Cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu nội bộ trước khi trình hội đồng khoa học và công nghệ cấp cơ sở nghiệm thu chính thức;

Thành phần nghiệm thu nội bộ gồm thủ trưởng đơn vị, thành viên ban chủ nhiệm, đại diện đơn vị ứng dụng. Chủ nhiệm đề tài, dự án có thể mời thêm các nhà quản lý, nhà khoa học trong quá trình nghiệm thu nội bộ để góp ý hoàn chỉnh báo cáo kết quả nghiên cứu;

Đối với các đơn vị nhỏ, có thể dùng hình thức hội thảo để hoàn chỉnh báo cáo khoa học;

b) Nghiệm thu chính thức:

Chậm nhất 15 ngày làm việc sau khi chủ nhiệm đề tài, dự án nộp báo cáo kết quả nghiên cứu hợp lệ, bộ phận quản lý khoa học cấp cơ sở có trách nhiệm tham mưu thủ trưởng đơn vị tổ chức nghiệm thu chính thức;

Việc nghiệm thu chính thức tiến hành theo các bước sau:

- Thủ trưởng đơn vị ra quyết định thành lập hội đồng khoa học và công nghệ để đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài, dự án. Thành phần hội đồng có 7- 9 thành viên, gồm Chủ tịch, ủy viên thư ký, hai thành viên là ủy viên phản biện và các thành viên khác;

- Hội đồng nghiệm thu kết quả nghiên cứu theo mục tiêu, nội dung nghiên cứu, sản phẩm cần đạt được thể hiện trong hợp đồng và thuyết minh đề cương đã phê duyệt;

- Quy trình và thủ tục làm việc của hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở gồm các bước sau: Thư ký hội đồng đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự; Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp nghiệm thu; Chủ nhiệm đề tài, dự án báo cáo kết quả nghiên cứu; Hội đồng đặt câu hỏi để làm rõ kết quả đã triển khai; Ủy viên phản biện nêu nhận xét kết quả nghiên cứu bằng văn bản; Hội đồng nghiệm thu tiến hành bình luận và bỏ phiếu đánh giá kết quả; Chủ tịch hội đồng phát biểu ý kiến kết luận về kết quả đánh giá của hội đồng; Hội đồng thông qua biên bản và kết quả bỏ phiếu;

- Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm hoàn chỉnh báo cáo kết quả theo khuyến cáo của hội đồng nghiệm thu, giao nộp sản phẩm theo hợp đồng, quyết toán kinh phí và thanh lý hợp đồng với cơ quan quản lý theo quy định.

5. Thanh lý hợp đồng

a) Cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án hoàn chỉnh báo cáo kết quả đề tài, dự án trong vòng 15 ngày; thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định; báo cáo kết quả đã hoàn chỉnh theo kiến nghị của hội đồng nghiệm thu và

giao nộp cho cơ quan quản lý theo quy định; cơ quan chủ trì đã hoàn trả kinh phí thu hồi từ đề tài, dự án (nếu có).

b) Trong vòng 15 ngày sau khi hoàn thành nội dung trên, cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện đề tài, dự án tại Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định hiện hành.

c) Việc thanh lý hợp đồng được tiến hành sau khi hoàn thành các yêu cầu nêu trên.

6. Công nhận và chuyển giao kết quả thực hiện:

Chậm nhất 30 ngày, thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở quyết định công nhận kết quả nghiệm thu đề tài, dự án trên cơ sở đánh giá của hội đồng nghiệm thu cơ sở; đồng thời công bố và chuyển giao kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án cho các ngành, các cấp và các tổ chức liên quan nghiên cứu ứng dụng.

Điều 43. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

1. Kinh phí thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở bao gồm các nguồn sau:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước cấp (hoặc hỗ trợ);
- b) Nguồn của các đơn vị cấp cơ sở;
- c) Nguồn tham gia đóng góp của các doanh nghiệp hoặc các tổ chức có nhu cầu sử dụng kết quả nghiên cứu đặt hàng;
- d) Các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ thuộc các ngành, địa phương, doanh nghiệp nào thì do đơn vị đó cấp phát kinh phí và theo dõi thực hiện theo kế hoạch được phê duyệt hàng năm.

3. Định mức chi cho các hoạt động quản lý của các đề tài, dự án cấp cơ sở bằng 70% định mức chi cho các hoạt động này của cấp tỉnh. Các nội dung chi khác tuân theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương VII TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 44. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Chủ trì thẩm định kinh phí, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí của nhiệm vụ; chủ trì cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3. Chủ trì kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ; điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Quy định này.

4. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; trình ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định công nhận kết quả nghiệm thu, bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng.

5. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và các văn bản liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan đề xuất đặt hàng

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ theo đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

5. Ứng dụng các kết quả nghiên cứu theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 Quy định này.

Điều 46. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ. Việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ phải báo cáo bằng văn bản với Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với đơn vị quản lý; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy định này.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng theo quy định hiện hành.

7. Kiểm tra, đôn đốc chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện các nội dung công việc theo hợp đồng. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Thực hiện việc công bố, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và các văn bản liên quan.

Điều 47. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

5. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (06 tháng một lần), báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì và cơ quan quản lý. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết khoa học và công nghệ.

6. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ năm 2013 và các văn bản liên quan.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 48. Hướng dẫn thi hành

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm cụ thể hóa các biểu mẫu và hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức thực hiện và hướng dẫn cho các tổ chức, đơn vị áp dụng; phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư dự kiến phân bổ ngân sách khoa học công nghệ hàng năm.

Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch ngân sách khoa học công nghệ hàng năm.

3. Các sở, ngành, địa phương và đơn vị trong tỉnh có trách nhiệm thực hiện và tổ chức các hoạt động khoa học công nghệ thuộc phạm vi đơn vị mình quản lý theo hướng dẫn nêu tại Quy định này.

Định kỳ hàng năm (trước ngày 30/11) báo cáo tình hình kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 49. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân không thực hiện đúng nội dung tại Quy định này tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Điều chỉnh và bổ sung

Trong quá trình tổ chức thực hiện có những vướng mắc, các sở, ngành, địa phương và các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét thay đổi, bổ sung cho phù hợp./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Việt

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Phụ lục I

Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Yêu cầu đối với đề tài, dự án

Đề tài, dự án phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại, cụ thể như sau:

a) Yêu cầu chung

- Có tính cấp thiết hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong phạm vi toàn tỉnh;

- Có thể huy động được các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp, các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh tham gia;

- Góp phần giải quyết yêu cầu khẩn cấp về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành;

- Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

b) Yêu cầu riêng đối với đề tài

- Đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật (sau đây gọi là đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ) phải đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến: góp phần tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng trong tỉnh; sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng;

+ Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

- Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

- Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác: sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra trong tỉnh hoặc trong nước thông qua các công bố trong tỉnh, trong nước hoặc có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội.

c) Yêu cầu riêng đối với dự án

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội

đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt;

- Có khả năng huy động được nguồn kinh phí để thực hiện thông qua sự cam kết hợp tác với doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước.

2. Yêu cầu đối với đề án khoa học

Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

3. Yêu cầu đối với dự án khoa học và công nghệ

Dự án khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn được ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực.

c) Có phương án tin cậy trong việc huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách và được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận tài trợ hoặc bảo đảm.

d) Tiến độ thực hiện phù hợp với tiến độ triển khai dự án đầu tư sản xuất, đề án phát triển kinh tế - xã hội; có thời gian thực hiện không quá 5 năm.

4. Yêu cầu đối với chương trình khoa học và công nghệ

Chương trình khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có mục tiêu tạo ra kết quả khoa học và công nghệ phục vụ một trong định hướng lớn sau: phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong một hoặc một số lĩnh vực trong giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của tỉnh;

b) Nội dung bao gồm những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quan hệ trực tiếp và gián tiếp với nhau về chuyên môn.

c) Các kết quả đều thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình.

d) Có thời gian thực hiện không quá 10 năm và tiến độ triển khai phù hợp với mục tiêu của chương trình.



Phụ lục II

Nội dung thảo luận của hội đồng

1. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định đề tài, dự án

Hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá *đề xuất đặt hàng* về các nội dung sau:

- Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài, dự án trong đề xuất đặt hàng.
- Tính liên ngành, liên vùng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong nhiệm vụ đề xuất.
- Khả năng không trùng lặp của đề tài, dự án với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện.
- Nhu cầu cần thiết phải huy động các nguồn lực khoa học và công nghệ khác cho việc thực hiện đề tài, dự án.
- Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện đối với dự án.

2. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định đề án khoa học

Hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá *đề xuất đặt hàng* về các nội dung sau:

- Tính cấp thiết và triển vọng ứng dụng của các kết quả vào việc xây dựng và hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý.
- Tính liên ngành, liên vùng của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất đặt hàng.
- Nhu cầu cần thiết phải huy động các nguồn lực khác cho việc thực hiện đề án khoa học.

3. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định dự án khoa học và công nghệ

Hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá *đề xuất đặt hàng* về các nội dung sau:

- Tính cấp thiết và mục tiêu của đề xuất đặt hàng trong việc sản xuất các sản phẩm trọng điểm chủ lực của địa phương.
- Nhu cầu cần thiết phải huy động các nguồn lực khác cho việc thực hiện đề xuất đặt hàng.
- Tính khả thi của dự án khoa học và công nghệ thể hiện qua các nội dung đặt ra trong đề xuất đặt hàng.

4. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định chương trình khoa học và công nghệ

Hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá *đề xuất đặt hàng* về các nội dung sau:

- Tính cấp thiết của việc thực hiện chương trình và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra từ việc thực hiện chương trình.
- Mục tiêu của chương trình đối với định hướng phát triển khoa học và công nghệ 5 năm hoặc 10 năm; hướng phát triển công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của tỉnh.
- Nội dung thực hiện chính và các kết quả tạo khi kết thúc chương trình so với các mục tiêu của chương trình.
- Thời gian thực hiện và tiến độ phù hợp để triển khai các nội dung của chương trình.



Phụ lục III

Tiêu chí, thang điểm đánh giá

Đánh giá là sự chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá, chấm điểm tối đa 100 điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm sau:

1. Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ:
 - a) Đánh giá tổng quan (tối đa 8 điểm);
 - b) Nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (tối đa 24 điểm);
 - c) Tính mới, tính đủ của sản phẩm khoa học và công nghệ (tối đa 16 điểm);
 - d) Phương án chuyển giao ứng dụng các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm (tối đa 16 điểm);
 - đ) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (tối đa 20 điểm);
 - e) Năng lực của tổ chức và các cá nhân tham gia (tối đa 16 điểm);
2. Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn và đề án khoa học
 - a) Tổng quan tình hình nghiên cứu (tối đa 12 điểm);
 - b) Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu (tối đa 12 điểm);
 - c) Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (tối đa 12 điểm);
 - d) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (tối đa 20 điểm);
 - đ) Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu (tối đa 24 điểm);
 - e) Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện (tối đa 20 điểm).
3. Đề tài trong các lĩnh vực khác, tùy thuộc vào nội dung nghiên cứu áp dụng tiêu chí và thang điểm quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 của Điều này.
4. Dự án sản xuất thử nghiệm:
 - a) Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án (điểm tối đa 8);
 - b) Nội dung và phương án triển khai (tối đa 24 điểm);
 - c) Tính mới và tính khả thi của công nghệ (tối đa 12 điểm);
 - d) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án (tối đa 16 điểm);
 - đ) Phương án tài chính (tối đa 24 điểm);
 - e) Năng lực thực hiện (tối đa 8 điểm).